

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LŨ
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11/9/2020

"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LŨ, TỈNH HUNG YÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Mạnh Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Ngà và bà Ngô Thị Tuyết

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký
Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Mạnh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Ngô Mạnh Kh, sinh năm 1980 "*có mặt*"

Địa chỉ: Thôn LD, xã ĐT, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Chị Ngô Thị R, sinh năm 1985 "*có mặt*"

HKTT: Thôn LD, xã ĐT, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Chỗ ở hiện nay: Thôn TK, xã TP, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Ngô Diệu L, sinh ngày 02/12/2003

- Cháu Ngô Nguyệt H, sinh ngày 04/12/2008

- Cháu Ngô Bảo N, sinh ngày 08/5/2013

- Cháu Ngô Hải Đ, sinh ngày 25/7/2017

Người đại diện hợp pháp cho các cháu L, N: Anh Ngô Mạnh Kh là bố đẻ

Người đại diện hợp pháp cho cháu H, Đ: Chị Ngô Thị R là mẹ đẻ

Người làm chứng:

- Bà Trần Thị D, sinh năm 1947- là mẹ đẻ anh Kh "*vắng mặt*"

Địa chỉ: Thôn LD, xã ĐT, huyện T, tỉnh Hưng Yên

- Bà Vũ Thị Th, sinh năm 1958- là mẹ đẻ chị R "*vắng mặt*"

Địa chỉ: Thôn TK, xã TP, huyện T, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn là anh Ngô Mạnh Kh trình bày: Anh kết hôn với chị Ngô Thị R trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu trước khi kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, huyện T ngày

27/01/2003, được hai bên gia đình tổ đồng ý chức lễ cưới theo phong tục chung. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị R không chung thủy với anh nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, cuộc sống vợ chồng căng thẳng, thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mặt khác, do vợ chồng sống chung nhà với bố mẹ đẻ anh nên ngoài mâu thuẫn vợ chồng thì giữa chị R và mẹ anh có mâu thuẫn với nhau từ những việc nhỏ nhặt trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Đến tháng 12/2019 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân nhau, chị R đã về gia đình bố mẹ đẻ tại Thôn TK, xã TP, huyện T ở từ đó cho đến nay không về gia đình anh nữa. Thời gian chị R về nhà bố mẹ đẻ ở, anh không đến tìm lần nào vì anh nghĩ chị R tự bỏ đi thì tự về. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, hai bên không mang lại hạnh phúc cho nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh và chị R có 04 con chung gồm cháu Ngô Diệu L sinh ngày 02/12/2003, Ngô Nguyệt H sinh ngày 04/12/2008, Ngô Bảo N sinh ngày 08/5/2013 và Ngô Hải Đ sinh ngày 25/7/2017. Hiện ba cháu lớn đang ở với anh, còn cháu út đang ở với chị R. Ly hôn nguyện vọng của anh mong muốn được nuôi dưỡng ba cháu lớn, để chị R nuôi dưỡng cháu Ngô Hải Đ từ nay cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi thành niên, anh không yêu cầu chị R phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

Về tài sản chung, công sức, nợ, ruộng cấy: Anh Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn là chị Ngô Thị R trình bày thống nhất với anh Kh về thời điểm kết hôn nhưng phản đối về mâu thuẫn vợ chồng như anh Kh trình bày. Theo chị thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2005 anh Kh đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan nhưng không gửi tiền về nuôi con, một mình chị ở nhà đi làm công nhân nuôi con nhỏ. Đến cuối năm 2007 hết hạn hợp đồng lao động anh Kh về nước thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Kh có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không quan tâm gì đến gia đình, đối xử lạnh nhạt với chị. Bản thân chị vẫn cố gắng nhẫn nhịn nuôi con, vun vén xây dựng hạnh phúc gia đình, tìm cách khuyên giải anh Kh đã phần nào cải sửa tính nết, tu chí làm ăn kinh tế, cuộc sống vợ chồng bớt căng thẳng hơn. Năm 2015 vợ chồng xây nhà và mở cửa hàng tạp hóa để chị ở nhà bán hàng, anh Kh lái xe chở hàng cho khách. Đến năm 2017 chị sinh cháu thứ tư thì vợ chồng lại bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh Kh nghi ngờ ghen tuông vô cớ, thường xuyên đánh đập chửi bới chị, không nhận cháu Ngô Hải Đ là con chung. Bản thân chị cũng có mâu thuẫn với gia đình chồng về mọi chuyện trong cuộc sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến tháng 11/2019 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị đưa cháu Nguyễn Hải Đăng về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn TK, xã TP, huyện T, tỉnh Hưng Yên ở từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay không quan tâm gì đến nhau. Trước yêu cầu ly hôn của anh Kh, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể tháo gỡ nên đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Do anh Kh chửi bới, đánh đập, nghi ngờ cháu Ngô Hải Đ không phải con chung của chị và anh Kh nên ngày 04/6/2020 chị nộp đơn yêu cầu xét nghiệm ADN đối với cháu Đ để xác định cháu Đ có phải là con chung của chị và anh Kh hay không. Đến ngày 06/6/2020 chị xin rút đơn yêu cầu giám định, không đề nghị Tòa án giải quyết việc giám định ADN đối với cháu Đ, chị khẳng định chị và anh Kh có 04 con chung như anh Kh trình bày. Hiện nay ba cháu lớn đang ở với anh Kh, còn cháu út đang ở với chị. Ly hôn nguyện vọng của chị mong muốn được nuôi hai cháu Ngô Nguyệt H, Ngô Hải Đ, để anh Kh nuôi hai cháu Ngô Diệu L, Ngô Bảo N cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi thành niên, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Về tài sản chung: Chị R có đơn phản tố yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng. Chị khẳng định vợ chồng xây được 01 ngôi nhà ba tầng, diện tích mỗi tầng khoảng 70m² từ tháng 9/2015 hết 800.000.000 đồng, đến nay nhà còn trị giá khoảng 500.000.000 đồng, nhà xây trên đất của bố mẹ chồng chứ không phải đất của vợ chồng. Năm 2017 vợ chồng có mua 01 xe ô tô tải hiệu THACO OLLIN trị giá khoảng 380.000.000 đồng. Ngoài ra vợ chồng còn mua sắm được một số đồ dùng sinh hoạt như xe máy, tivi, tủ lạnh, máy giặt, điều hòa và hàng hóa bán quán tổng hợp, toàn bộ tài sản chung của vợ chồng hiện anh Kh đang quản lý sử dụng. Ly hôn chị chỉ yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung là ngôi nhà ba tầng và chiếc xe ô tô tải theo quy định của pháp luật, nếu anh Kh sử dụng tài sản thì trả phần chị được hưởng bằng tiền, không yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền sử dụng đất. Còn các tài sản là đồ dùng sinh hoạt khác chị tự nguyện để lại cho các con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản nào khác. Về công sức, nợ nần, ruộng cấy chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng bà Trần Thị D là mẹ đẻ anh Kh trình bày: Anh Kh và chị R được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, không bị ai ép buộc. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng nghi ngờ nhau không chung thủy, ngoài ra chị R còn có thái độ hồ láo, cư xử không đúng mực với bố mẹ chồng và anh em nhà chồng. Hiện nay anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi. Anh Kh, chị R có 04 con chung, ba cháu lớn đang ở với anh Kh, còn cháu út đang ở với chị R. Về tài sản chung, anh Kh, chị R có xây 01 ngôi nhà ba tầng trên đất của ông bà và có mua 01 chiếc xe ô tô tải, hiện các tài sản này anh Kh đang quản lý sử dụng. Bà khẳng định đất của vợ chồng bà chưa cho anh Kh, chị R. Ngoài ra anh chị còn có tài sản nào khác thì bà không rõ. Về công sức, nợ, ruộng cấy bà không có yêu cầu gì. Bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng bà Vũ Thị Th là mẹ đẻ chị R xác định anh chị phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017, nguyên nhân do anh Kh không chung thủy với chị R, không quan tâm gì đến gia đình vợ con. Ngoài mâu thuẫn vợ chồng thì giữa chị R và mẹ chồng thường xảy ra mâu thuẫn từ những việc nhỏ nhặt trong cuộc sống hàng ngày. Anh chị có 04 con chung đang tuổi ăn học. Về tài sản chung của anh Kh, chị R theo bà được biết anh chị có xây 01 ngôi nhà ba tầng trên đất của bố mẹ chồng và có mua 01 chiếc xe ô tô tải để chở hàng. Về tài sản, công sức nợ, ruộng cấy giữa bà vợ chồng anh Kh,

chị R không có gì liên quan nên bà không có yêu cầu gì. Nay anh Kh xin ly hôn chị R bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xác minh tại UBND xã ĐT được biết: Anh Kh, chị R có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT vào ngày 27/01/2003. Khoảng 02 năm trở lại đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau về lối sống, không tin tưởng nhau trong chuyện tình cảm vợ chồng dẫn đến vợ chồng thường xảy ra to tiếng cãi vã. Hiện nay anh chị đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi.

Về nguồn gốc diện tích đất anh Kh, chị R xây dựng nhà ở: Anh Kh, chị R xây dựng ngôi nhà ba tầng trên diện tích đất có nguồn gốc của ông Ngô Sỹ K và bà Trần Thị D là bố mẹ đẻ anh Kh tại Thôn LD, xã ĐT, huyện T. Diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông K, bà D từ năm 2011, thể hiện tại thửa 04, tờ bản đồ số 14, diện tích 249,9m². Đến năm 2014 sau khi số hóa đo vẽ bản đồ VLAP thì được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới thể hiện tại thửa số 82, tờ bản đồ số 13, diện tích 249,2m². Từ trước đến nay thửa đất vẫn đứng tên chủ sử dụng là ông K, bà D, ông bà chưa làm thủ tục tách đất cho anh Kh, chị R theo luật.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản thể hiện như sau: 01 ngôi nhà ba tầng, khung chịu lực bê tông cốt thép, tường xây 220, nền lát gạch ceramic; tầng 1 diện tích 68m²; tầng 2 diện tích 68 m²; tầng 3 diện tích 44 m²; Trị giá còn lại của ngôi nhà là 746.704.000đồng; 01 mái tôn phía trước nhà có diện tích 21,9m²; giá trị còn lại là 7.861.000đồng; 01 mái vẩy tường 10, lợp prôxi măng dùng làm bếp đun có diện tích 8,61 m²; giá trị còn lại là 6.768.000đồng; 01 chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu THACO OLLIN, biển kiểm soát 89C 134.94 mua năm 2017 giá trị còn lại là 231.400.000đồng. Tổng giá trị tài sản là 992.733.000 đồng.

Tại phiên toà: Anh Kh vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn đối với chị R. Anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng ba con chung là cháu L, cháu H, cháu N; để chị R nuôi dưỡng cháu Ngô Hải Đ từ nay cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi thành niên, anh không yêu cầu chị R phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Chị R có nguyện vọng được nuôi hai cháu H, Đ anh hoàn toàn đồng ý. Anh xác định vợ chồng có tài sản chung như chị R trình bày nhưng anh để lại cho các con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Kh cung cấp Kết quả xét nghiệm ADN ngày 21/7/2020 của Công ty TNHH Dịch vụ Khoa học Kỹ thuật GENPRO xác định anh Kh và cháu Ngô Hải Đ không có quan hệ huyết thống cha con nhưng trình bày chỉ để chứng minh chị R ngoại tình, anh vẫn nhận cháu Đ là con để không yêu cầu Tòa án ra quyết định giám định ADN lại đối với cháu Đ.

Chị R nhất trí thuận tình ly hôn với anh Kh, có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Ngô Nguyệt H và cháu Ngô Hải Đ và đề nghị chia đôi giá trị tài sản chung của vợ chồng, nếu anh Kh sử dụng tài sản thì trả phần chị được hưởng bằng tiền. Chị R không chấp nhận kết quả xét nghiệm ADN do anh Kh cung cấp, cho rằng đó là kết quả giả do gia đình anh Kh lấy mẫu ADN không đúng. Mặc dù đã được giải thích nhưng chị R không yêu cầu Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định ADN của cháu Đ và anh Kh theo đúng quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Kh, chị R. Về con chung: Giao cháu Ngô Diệu L và cháu Ngô Bảo N cho anh Kh nuôi dưỡng; giao cháu Ngô Nguyệt H và cháu Ngô Hải Đ cho chị R nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị R. Giao cho anh Kh được quản lý sử dụng khối tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là ngôi nhà mái bằng ba tầng trị giá còn lại là 746.704.000đồng; 01 mái tôn phía trước nhà có diện tích 21,9m² giá trị còn lại là 7.861.000đồng; 01 mái vẩy tường 10, lợp prôximăng dùng làm bếp đun có diện tích 8,61m² giá trị còn lại là 6.768.000 đồng; 01 chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu THACO OLLIN, biển kiểm soát 89C 134.94 mua năm 2017 giá trị còn lại là 231.400.000đồng, tổng giá trị tài sản là 992.733.000 đồng. Anh Kh phải thanh toán trả chênh lệch về tài sản được hưởng cho chị R số tiền 496.366.500đ. Về công sức, nợ nần, ruộng cấy: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về nghĩa vụ chịu án phí và chi phí tố tụng khác: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Anh Ngô Mạnh Kh khởi kiện ly hôn chị Ngô Thị R có nơi cư trú tại Thôn TK, xã TP, huyện T, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Kh, chị R có thời gian tự nguyện tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT vào ngày 27/01/2003 theo giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01 năm 2003, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị nhiều lần đã xảy ra mâu thuẫn, cãi vã mặc dù đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không được. Năm 2019 anh chị sống ly thân mỗi người một nơi, không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí thuận tình ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai thuận tình ly hôn nên HĐXX quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh chị để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3]. Về con chung: Mặc dù anh Kh và gia đình nghi ngờ cháu Ngô Hải Đ không phải là con đẻ anh Kh mà là con riêng của chị R với người khác, đã tự lấy mẫu đi giám

định ADN kết luận anh Kh và cháu Đ không có huyết thống cha con, nhưng anh Kh vẫn thừa nhận cháu Đ là con đẻ, trình bày đưa ra kết quả giám định để chứng minh chị R ngoại tình. Chị R khẳng định cháu Đ là con chung của vợ chồng và ngày 04/6/2020 nộp đơn yêu cầu đề nghị Tòa án quyết định trưng cầu giám định xét nghiệm ADN đối với cháu Đ để xác định sự việc cho rõ ràng. Tuy nhiên, ngày 06/6/2020 chị R xin rút đơn không đề nghị Tòa án giải quyết việc giám định nữa. HĐXX thấy rằng: Việc anh Kh cung cấp kết quả giám định nhưng không theo quy trình chặt chẽ của Bộ luật Tố tụng dân sự nên chỉ mang tính chất tham khảo, Tòa án đã giải thích thông báo cho anh chị biết phải làm đơn đề nghị, nộp chi phí tạm ứng chi phí cho việc giám định mới có căn cứ kết luận rõ ràng cháu Đ có phải là con đẻ anh Kh hay không nhưng anh chị không yêu cầu. Tại phiên tòa, anh Kh vẫn thừa nhận cháu Đ là con chung, không tranh chấp nên HĐXX không xem xét giải quyết, xác định anh chị có 04 con chung là cháu Ngô Diệu L sinh ngày 02/12/2003; Ngô Nguyệt H sinh ngày 04/12/2008; Ngô Bảo N sinh ngày 08/5/2013; Ngô Hải Đ sinh ngày 25/7/2017. Mặc dù cháu H có nguyện vọng ở với bố, nhưng để ổn định cho việc học tập, nuôi dưỡng các cháu HĐXX quyết định giao cháu Ngô Diệu L và cháu Ngô Bảo N cho anh Kh nuôi dưỡng; giao cháu Ngô Nguyệt H và cháu Ngô Hải Đ cho chị R nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau là phù hợp với sự thỏa thuận của anh chị tại phiên tòa.

[4]. Về tài sản chung: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của các đương sự, HĐXX có căn cứ xác định vợ chồng có các tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà ba tầng, khung chịu lực bê tông cốt thép, tường xây 220, nền lát gạch ceramic; tầng 1 diện tích 68m²; tầng 2 diện tích 68 m²; tầng 3 diện tích 44 m², trị giá còn lại của ngôi nhà là 746.704.000 đồng; 01 mái tôn phía trước nhà có diện tích 21,9m² giá trị còn lại là 7.861.000 đồng; 01 mái vẩy tường 10, lợp prôxi măng dùng làm bếp đun có diện tích 8,61 m² giá trị còn lại là 6.768.000đồng và 01 chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu THACO OLLIN, biển kiểm soát 89C 134.94 mua năm 2017 giá trị còn lại là 231.400.000 đồng, tổng giá trị tài sản cộng bằng 992.733.000 đồng. Chị R đề nghị Tòa án chia tài sản chung vợ chồng theo quy định pháp luật. Anh Kh không yêu cầu phân chia tài sản chung. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định của Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình thì yêu cầu phân chia tài sản chung của chị R là có căn cứ nên được chấp nhận. Anh Kh, chị R có công sức ngang nhau trong việc tạo lập khối tài sản chung nên mỗi người sẽ được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản. Do ngôi nhà xây trên đất không phải của vợ chồng, chiếc xe ô tô là phương tiện lao động để có thu nhập hàng tháng của anh Kh nên HĐXX quyết định giao toàn bộ tài sản bằng hiện vật cho anh Kh quản lý sử dụng nhưng phải thanh toán trả chênh lệch về tài sản được hưởng cho chị R số tiền 496.366.500đ. Điều này phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của chị R.

Về công sức, nợ nần, ruộng cấy: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về chi phí tố tụng khác: Chị Ngô Thị R nộp tạm ứng chi phí tố tụng cho việc xem xét thẩm định và định giá tài sản số tiền 5.000.000đ. Chi phí thực tế hết 3.300.000đ, đã hoàn trả chị R số tiền thừa 1.700.000đ. Do yêu cầu phân chia tài sản chung của chị R được chấp nhận nên anh Kh phải thanh toán trả chị R số tiền 1.650.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 55; 57; 58; 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Ngô Mạnh Kh và chị Ngô Thị R.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Kh chị R giao cháu Ngô Diệu L sinh ngày 02/12/2003 và cháu Ngô Bảo N sinh ngày 08/5/2013 cho anh Kh trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Ngô Nguyệt H sinh ngày 04/12/2008 và cháu Ngô Hải Đ, sinh ngày 25/7/2017 cho chị R trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi thành niên. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục các con chung không ai được cản trở.

Về phân chia tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của chị R. Giao cho anh Kh được quản lý sử dụng 01 ngôi nhà ba tầng; 01 mái tôn phía trước nhà có diện tích 21,9m²; 01 mái vẩy tường 10, lợp prôxi măng dùng làm bếp đun có diện tích 8,61 m² vợ chồng xây trên đất của bố mẹ anh Kh và 01 chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu THACO OLLIN, biển kiểm soát 89C 134.94 mua năm 2017, tổng giá trị tài sản anh Kh được hưởng cộng bằng 992.733.000 đồng. Anh Kh phải thanh toán trả chênh lệch về tài sản được hưởng cho chị R số tiền 496.366.500 đồng.

Về công sức, nợ, ruộng cấy: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, chị R có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với khoản tiền chia tài sản chung, nếu anh Kh không thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Về án phí: Nguyên đơn anh Ngô Mạnh Kh phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 23.854.600 đồng án phí chia tài sản chung, nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000548 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ. Anh Kh còn phải nộp tiếp số tiền 23.854.600 đồng án phí chia tài sản.

Bị đơn chị Ngô Thị R phải chịu 23.854.600 đồng án phí chia tài sản chung, nhưng được trừ vào 10.800.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000550 ngày 28/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lữ. Chị R còn phải nộp tiếp số tiền 13.054.600 đồng án phí chia tài sản.

Về chi phí tố tụng khác: Anh Ngô Mạnh Kh phải thanh toán trả chị R số tiền 1.650.000đ chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho đương sự biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tiên Lữ;
- VKSND tỉnh Hưng Yên
- Chi cục THADS huyện Tiên Lữ;
- UBND xã ĐT (GCNKH số 03 ngày 27/01/2003);
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Mạnh Quang